

I. TRONG LĨNH VỰC TÔN GIÁO, NHỮNG HÀNH VI NÀO BỊ CẤM?

Các hành vi bị cấm trong lĩnh vực tôn giáo được quy định tại Điều 5 Luật tín ngưỡng tôn giáo năm 2016, gồm:

1. Phân biệt đối xử, kỳ thị vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.
2. Ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở người khác theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo.
3. Xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo.
4. Hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường; xâm hại đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khỏe, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác; cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo; chia rẽ người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa những người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.
5. Lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo để trục lợi.

II. ĐỂ NGHỊ CHO BIẾT QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TỰ DO TÍN, NGƯỠNG, TÔN GIÁO CỦA MỌI NGƯỜI?

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người được quy định tại Điều 24 Hiến pháp năm 2013 và Điều 6 Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, gồm các nội dung sau:

1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.
2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.
3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật.
4. Mỗi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia lễ hội; học tập và thực hành giáo lý, giáo luật tôn giáo.
5. Mỗi người có quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng của tổ chức tôn giáo. Người chưa thành niên khi vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý.
6. Chúc sắc, chúc việc, nhà tu hành có quyền thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác.



7. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo.

III. TỔ CHỨC TÔN GIÁO LÀ GÌ? TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC LÀ GÌ? TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC CÓ QUYỀN GÌ?

1. Khái niệm về tổ chức tôn giáo và tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định tại Điều 1 Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, như sau:

- Tổ chức tôn giáo là tập hợp tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành của một tôn giáo được tổ chức theo một cơ cấu nhất định được Nhà nước công nhận nhằm thực hiện các hoạt động tôn giáo (khoản 12).

- Tổ chức tôn giáo trực thuộc là tổ chức thuộc tổ chức tôn giáo, được thành lập theo hiến chương, điều lệ, quy định của tổ chức tôn giáo (khoản 13)

2. Quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định tại Điều 7 Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, gồm:

- Hoạt động tôn giáo theo hiến chương, điều lệ và văn bản có nội dung tương tự (sau đây gọi chung là hiến chương) của tổ chức tôn giáo.



- Tổ chức sinh hoạt tôn giáo.
- Xuất bản kinh sách và xuất bản phẩm khác về tôn giáo.
- Sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo.
- Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo.
- Nhận tài sản hợp pháp do tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài tự nguyện tặng cho.
- Các quyền khác theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo và quy định khác của pháp luật có liên quan.

IV. ĐỀ NGHỊ CHO BIẾT, NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM CÓ QUYỀN TỰ DO TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO KHÔNG?

Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Nội dung này được quy định tại Điều 8 Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016. Theo đó, người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được Nhà nước Việt Nam tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có quyền:

- Sinh hoạt tôn giáo, tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo;
- Sử dụng địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung;
- Mời chức sắc, chức việc, nhà tu hành

là người Việt Nam thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo; mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo;

- Vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam;

- Mang theo xuất bản phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được giảng đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác ở Việt Nam.

V. TRONG THỰC HIỆN QUYỀN TỰ DO TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ NGHĨA VỤ GI?

Điều 9 Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định: trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo có nghĩa vụ:

1. Phải tuân thủ Hiến pháp, Luật tín ngưỡng tôn giáo năm 2016 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm hướng dẫn tín đồ, người tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đúng quy định của pháp luật.

BỘ TƯ PHÁP

ĐỀ ÁN ĐẨY MẠNH PHỔ BIẾN NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ CÁC QUYỀN DÂN SỰ, CHÍNH TRỊ VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CÁC QUYỀN DÂN SỰ, CHÍNH TRỊ CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NHÂN DÂN GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ VỀ QUYỀN TỰ DO TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

(theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016)

